

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/DS-PT

Ngày 21-4-2026

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản,
tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu di dời tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hoa;

Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Như Luật, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Loan, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TLPT- DS về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2026/QĐ-PT ngày 24-02-2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42/2026/QĐ-PT ngày 23-3-2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Việt H, sinh năm 1957; căn cước công dân (CCCD) số 0200570***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29-4-2021; địa chỉ cư trú: số J, đường P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lương Văn T, Luật sư Văn phòng luật sư L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ: số K đường L, phường L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt ngày 15-4-2026; vắng mặt ngày 21-4-2026.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố:

1. Ông Hà Thanh Đ, sinh năm 1950; CCCD số 0200500***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24-6-2021; địa chỉ cư

trú: Số nhà P, ngõ X, ngách F, đường T, khối T2, phường L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị M; sinh năm 1963; CCCD số 0201630***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24-4-2021; địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông Hà Thanh Đ, bà Hoàng Thị M: Bà Nguyễn Thị Trung V, sinh năm 1964; CCCD số 0011640***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16-5-2024; địa chỉ cư trú: Số nhà P, phố Đ, khu đô thị P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn (đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22-9-2025 và Hợp đồng ủy quyền ngày 27-10-2025); có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:

1.1. Ông Hà Văn Q; CCCD số 0200620*****; có mặt ngày 15-4-2026, vắng mặt ngày 21-4-2026.

1.2. Bà Hoàng Thị N; vắng mặt.

1.3. Anh Hà Văn N; CCCD số 0200870*****; có mặt ngày 15-4-2026, vắng mặt ngày 21-4-2026.

1.4. Anh Hà Văn Q1; CCCD số 0200900***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07-9-2023; vắng mặt.

1.5. Chị Hà Thị T; CCCD số 0201840***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

1.6. Bà Hà Thị X; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

1.7. Bà Hà Thị V; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

1.8. Bà Nông Thị V; CCCD số 0201550*****; vắng mặt ngày 15-4-2026, có mặt ngày 21-4-2026.

1.9. Anh Hà Hải D; vắng mặt.

1.10. Chị Hà Thị C; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn M, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn ông Hà Thanh Đ:

2.1. Anh Hà Việt T; địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2.2. Chị Hà Thu T; CCCD số 0201740***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31-3-2021; địa chỉ cư trú: Số A, đường Ng, phường T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2.3. Anh Hà Minh L; CCCD số 0200820***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29-4-2021; địa chỉ cư trú: Số R, D, tổ 10, khối I, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2.4. Chị Vi Thị G; địa chỉ cư trú: Số nhà O, ngõ Q, gác E, đường T, khối T, phường L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn bà Hoàng Thị M:

Anh Hà Hoàng S (tên gọi khác: Hoàng S); CCCD số 0200920***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24-4-2021; địa chỉ cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:

4.1. Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ trụ sở: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B (theo Giấy uỷ quyền số 01/GUQ-UBND ngày 14/8/2025); vắng mặt.

4.2. Tổng công ty điện lực M. Địa chỉ: Số Y, phố C, phường B, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Hồng M, chức vụ: Trưởng phòng Thanh tra bảo vệ pháp chế Công ty điện lực L (theo Giấy uỷ quyền số 1948/GUQ-PCLS ngày 05-8-2025); vắng mặt.

4.3. Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện: Ông Trương Văn T, Trưởng thôn L; địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Triệu Văn S; vắng mặt
2. Ông Hà Văn T; vắng mặt.
3. Bà Nông Thị V; vắng mặt.
4. Ông Vi Văn T; vắng mặt.
5. Ông Vi Văn T3; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

- Những người khác tham gia tố tụng:

1. Chị Hà Thị Kim C; vắng mặt.
2. Anh Hà Huy H; vắng mặt.
3. Chị Ngọc Thị M; vắng mặt.
4. Bà Vi Thanh K; vắng mặt.
5. Chị Hoàng Thị Thùy T; vắng mặt.

6. Chị Hà Diễm Q; vắng mặt.

7. Chị Triệu Thị H; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

8. Cháu Hà Tuấn M; địa chỉ cư trú: Số nhà Y, ngõ P, ngách L, đường T, khối T, phường L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Hà Tuấn M: Anh Hà Việt T; địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn và chị Vi Thị G; địa chỉ: Số nhà Y, ngõ P, ngách L, đường T, khối T, phường L, tỉnh Lạng Sơn (là bố, mẹ đẻ); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hà Việt H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q và anh Hà Văn N;

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Hà Văn V tên gọi khác Hà Văn V và cụ Triệu Thị L sinh được 08 người con gồm: (1) Ông Hà Thanh Đ, (2) ông Hà Văn Đ (đã chết năm 1995), có vợ là bà Nông Thị V và 02 con gồm anh Hà Hải D và chị Hà Thị C; (3) bà Hà Thị X; (4) ông Hà Việt H; (5) bà Hà Thị V; (6) ông Hà Văn T tên gọi khác Hà Văn C (chết năm 2021), có vợ là bà Hoàng Thị M; ông Hà Văn T và bà Hoàng Thị M không có con chung; anh Hà Hoàng S sinh năm 1992 là con riêng của bà Hoàng Thị M, nhưng được vợ chồng ông Hà Văn T chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ; (7) ông Hà Văn Q; (8) ông Hà Văn Đ (chết năm 2009), có vợ là bà Hoàng Thị Ng và có 03 con gồm anh Hà Văn N, anh Hà Văn Q và chị Hà Thị T.

Năm 2001 cụ Hà Văn V chết; năm 2013 cụ Triệu Thị L chết; khi chết cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L không để lại di chúc.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-3-2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24-4-2024 và ngày 18-6-2024; nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ đối với 05 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 18 diện tích 125m²;
- Thửa đất số 19 diện tích 512m²;
- Thửa đất số 24 có diện tích 350m²;
- Thửa đất số 236 diện tích 297m²;
- Thửa đất số 237 diện tích 410m².

Đều thuộc tờ bản đồ số 75, Bản đồ địa chính xã Gi, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đối với ngôi nhà của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L xây dựng trên thửa đất số 19 từ năm 1972, nguyên đơn không yêu cầu chia mà yêu cầu ông Hà Thanh Đ tháo dỡ di dời tài sản để chia thừa kế bằng hiện vật (quyền sử dụng

đất).

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm lần thứ hai;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với 05 thửa đất nói trên nhưng thay đổi về diện tích đất (biến động giảm) do có một phần diện tích đất đã bị thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường 279 và một phần có tồn tại công trình của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các đương sự không có tranh chấp; cụ thể nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với: 07m² thuộc thửa đất số 18; 01m² thuộc thửa đất số 19; 08m² thuộc thửa đất số 24; 03m² thuộc thửa đất số 236 và 69m² thuộc thửa đất số 237.

Ngày 29-5-2025 và ngày 18-8-2025, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Hà Thanh Đ và bà Hoàng Thị M; cụ thể: Ông Hà Thanh Đ yêu cầu được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 18, 19 và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; bà Hoàng Thị M yêu cầu được quản lý sử dụng thửa 24 và một phần các thửa 18, 19, 236 và yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất.

Theo nguyên đơn: Nguồn gốc các thửa đất 18, 19, 24, 236 và 237 trước đây là cùng 01 thửa do ông cha họ Hà để lại cho vợ chồng cụ Hà Văn V. Thửa đất số 18 và 19 hiện gia đình ông Hà Thanh Đ đang quản lý sử dụng; thửa đất số 24 hiện gia đình bà Hoàng Thị M (vợ ông Hà Văn C) đang quản lý sử dụng. Gia đình ông Hà Thanh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 19; gia đình ông Hà Văn C đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 24 nhưng đều đã bị UBND huyện C thu hồi do cấp không đúng quy định và khi bị thu hồi và không ai có khiếu nại gì về việc thu hồi GCNQSDĐ. Thửa 236 do gia đình ông Hà Văn Q đang quản lý, sử dụng; thửa 237 do gia đình anh Hà Văn N (con ông Hà Văn Đ) quản lý sử dụng; trên đất có tài sản của gia đình ông Hà Văn Q và gia đình anh Hà Văn Q nhưng ông Hà Văn Q và Hà Văn N đều xác định 02 thửa đất này là di sản do cụ Hà Văn V để lại. Năm 1971-1972 vợ chồng cụ Hà Văn V xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất 19. Theo phong tục, các con được phép cưới vợ và sinh hoạt vợ chồng tại nhà của bố mẹ đẻ nên các ông Hà Việt H, Hà Văn Đ, Hà Văn C, Hà Văn Q và Hà Văn Đ đều tổ chức đám cưới, đón dâu, sinh hoạt tại ngôi nhà trên thửa đất 19; sau này ông Hà Thanh Đ có công chăm sóc, tu sửa cải tạo lại như hiện nay. Do trên đất có tài sản là ngôi nhà do cụ Hà Văn V, cụ Triệu Thị L tạo dựng và UBND huyện C đã xác định các thửa đất nói trên không nằm trong quy hoạch. Vì vậy, có đủ điều kiện để xác định 05 thửa đất nói trên và ngôi nhà trên thửa đất số 19 là di sản thừa kế nên nguyên đơn yêu cầu được chia thừa kế theo quy định pháp luật; yêu cầu chia bằng hiện vật đối với di sản là quyền sử dụng đất; đối với di sản là ngôi nhà trên thửa đất 19, do ông Hà Thanh Đ có công tu sửa cải tạo nên ông Hà Thanh Đ được hưởng ½ giá trị tài sản, ½ giá trị còn lại được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bị đơn có yêu cầu phản tố ông Hà Thanh Đ trình bày: Nguồn gốc 05 thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế không phải do cụ Hà Văn V, cụ Triệu

Thị L tạo lập mà là của dòng họ Hà để lại nên không phải di sản thừa kế. Mặt khác, vợ chồng ông quản lý sử dụng thửa đất số 18 và 19 từ năm 1971; ngôi nhà trên thửa đất 19 là do vợ chồng ông xây dựng, không phải là tài sản của vợ chồng cụ Hà Văn V. Do đó ông Hà Thanh Đ không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố đề nghị công nhận quyền quản lý sử dụng của ông đối với 477m² thuộc một phần thửa 19 và 110m² đất thuộc một phần thửa 18. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hà Thanh Đ thay đổi quan điểm, cụ thể: Ông Hà Thanh Đ xác định thửa đất số 19 và ngôi nhà trên đất là tài sản chung của hộ gia đình ông gồm 06 người: cụ Hà Văn V, vợ chồng ông và 03 người con vì năm 2001 khi kê khai cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với thửa 19, cụ Hà Văn V đang chung sống với vợ chồng ông. Do đó ông đồng ý với xác định 1/6 thửa đất số 19 là di sản để chia thừa kế theo pháp luật; đối với ngôi nhà xây dựng từ năm 1971, đến thời điểm cụ Hà Văn V chết (năm 2001) đã hết giá trị khấu hao nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn có yêu cầu phản tố bà Hoàng Thị M trình bày: Năm 1999 bà chung sống với ông Hà Văn C trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức hôn lễ theo phong tục nên bà là con dâu của cụ Hà Văn V, cụ Triệu Thị L. Quá trình chung sống, vợ chồng bà không có con chung, ông Hà Văn C coi anh Hà Hoàng S như con đẻ. Nguồn gốc 05 thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là từ đời ông bà nội để lại, không phải do cụ Hà Văn V, cụ Triệu Thị L tạo lập và thực tế các anh em trong gia đình đều đã sử dụng ổn định từ rất lâu, khi đó các cụ còn sống và không có ý kiến gì. Vì vậy, 05 thửa đất đó không phải di sản thừa kế. Năm 2000 vợ chồng bà đã xây nhà cấp 04 và một căn nhà bếp trên thửa đất 24, đến năm 2021 gia đình bà phá căn nhà cấp 04 để xây dựng căn nhà mái thái hiện nay. Năm 2009 gia đình bà kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 24 mang tên hộ gia đình ông Hà Văn C, khi đó cụ Triệu Thị L còn sống cũng không ý kiến gì. Vì vậy, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế và có yêu cầu phản tố đối về việc: yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 342m² thuộc thửa đất số 24; diện tích 34,0m² thuộc một phần thửa đất số 19; diện tích 8,0m² thuộc một phần thửa đất số 18 và diện tích 9,0m² thuộc một phần thửa đất số 236. Đối với tài sản của gia đình bà đã tạo lập được trên các thửa đất 18, 19, 24, 236 như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, do các đương sự không tranh chấp nên bà không có yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn: ông Hà Văn Q, bà Hoàng Thị N, anh Hà Văn N, anh Hà Văn Q, chị Hà Thị T, bà Hà Thị X, bà Hà Thị V, bà Nông Thị V, anh Hà Hải D, chị Hà Thị C: Nhất trí với nội dung trình bày và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Việt H, không ai có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn Hà Thanh Đ: Anh Hà Việt T, chị Hà Thu T, anh Hà Minh L, chị Vi Thị G trình bày: Nhất trí với ý kiến trình bày của ông Hà Thanh Đ. Năm 2017, ông Hà Thanh Đ cùng các con đóng góp tiền để cải tạo, sửa chữa ngôi nhà trên thửa đất 19, cụ thể: ông Hà Thanh Đ góp 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); vợ chồng anh Hà Việt T, chị Vi Thị G góp 50.000.000 đồng (năm mươi

triệu đồng); chị Hà Thu T, anh Hà Minh L mỗi người góp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Khi góp tiền để sửa chữa cải tạo căn nhà không lập văn bản, giấy tờ, không có tài liệu chứng cứ liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa nhà. Đối với số tiền đã góp để cải tạo, sửa chữa nhà, các anh chị không yêu cầu thanh toán, đề nghị cho ông Hà Thanh Đ được sở hữu tài sản và không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn bà Hoàng Thị M là anh Hoàng S trình bày: anh và là con riêng của bà Hoàng Thị M, đồng ý với ý kiến và yêu cầu của bà Hoàng Thị M, không có yêu cầu độc lập.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L tạo lập được nhiều đất đai và xây dựng được 02 ngôi nhà, ngôi nhà thứ nhất nằm trên thửa 324, tờ bản đồ số 60 đo đạc năm 2004; ngôi nhà thứ hai nằm trên thửa đất 18, 19 tại thôn L, xã G cũ (là vị trí thửa đất đang tranh chấp)

Đối với 05 thửa đất 18, 19, 24, 236, 237: Cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L chưa kê khai, chưa được cấp GCNQSDĐ, chưa có văn bản phân chia thừa kế cho các con. Ông Hà Thanh Đ, ông Hà Văn C tự kê khai và đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 19 và thửa 24, tuy nhiên do trình tự thủ tục cấp không đảm bảo nên năm 2023 UBND huyện C đã ra Quyết định thu hồi GCNQSDĐ đã cấp đối với thửa 19 và thửa 24, đến nay chưa được cấp lại.

Về quá trình sinh sống: Cụ Hà Văn V khi còn sống cho đến khi chết ở tại ngôi nhà thứ hai cùng nhà với gia đình ông Hà Thanh Đ; cụ Triệu Thị L ở tại nhà riêng của vợ chồng ông Hà Văn Đ trên thửa đất 28 cho đến khi chết. Trước khi ra khu đất tranh chấp làm nhà ở, thì cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L ở tại ngôi nhà cũ và quản lý, sử dụng thửa đất 52 cùng 15 thửa đất lúa tại khu trong làng, cách xa khu đất đang tranh chấp.

Về việc đăng ký kết hôn giữa ông Hà Văn C và bà Hoàng Thị M và việc khai sinh con là tên Hà Hoàng S tại UBND xã G là đúng, ở địa phương, ông Hà Văn C cùng họ hàng đều coi anh Hà Hoàng S là con của ông Hà Văn C và chung sống với nhau trên phần đất tranh chấp từ trước đến nay.

Người đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Điện lực M trình bày: Đối với cột điện (hạ thế) BTLT 8,5m, được đánh số 1.10 thuộc lộ 1 đường dây 0,4kV của Công ty Điện lực L vị trí nằm trên thửa đất số 24, thuộc công trình di dời cột điện phục vụ xây dựng, sửa chữa, cải tạo Quốc lộ 279 năm 2013, do đơn vị thi công xây dựng đường Quốc lộ 279 xây dựng để phục vụ cấp điện cho nhân dân trong khu vực thôn Là. Sau khi xây dựng cột xong, Công ty Điện lực tiếp nhận lại tài sản trực tiếp để tiếp tục quản lý vận hành và không có hồ sơ thuê đất, mua bán đất với chủ đất.

Ý kiến của UBND huyện C: Hồ sơ thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp QL 279 đoạn Tân Sơn - Than Muội và Đồng Mỏ - Tu Đoàn liên quan đến các thửa đất số 18, 19, 20, 24, 28, 34 cùng thửa số 75

bản đồ địa chính xã G. Các ông Hà Văn T (Chị), ông Hà Văn Q, ông Hà Thanh Đ, ông Hà Văn Đồng đều có diện tích đất bị thu hồi và được nhận bồi thường.

Ngày 16-11-2009, UBND huyện C đã cấp GCNQSDĐ đối với thửa 19 cho hộ gia đình ông Hà Thanh Đ và cấp GCNQSDĐ đối với thửa 24 cho hộ gia đình ông Hà Văn C. Tuy nhiên, do trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nói trên không đúng quy định nên ngày 23-6-2023 UBND huyện C đã ra Quyết định thu hồi GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nói trên.

Qua kiểm tra rà soát thì từ trước đến nay UBND huyện chưa nhận được hồ sơ xin cấp phép xây dựng của các hộ gia đình, cá nhân có liên quan; đến thời điểm hiện tại trên địa bàn xã G chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt. Do đó công trình được miễn cấp phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ.

Kết quả định giá xác định: Tổng giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp theo giá thị trường là 1.538.000.000 đồng; tài sản trên 05 thửa đất là: 1.124.558.000 đồng (các cây trồng trên các thửa đất tranh chấp, các đương sự không yêu cầu định giá nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá), trong đó tài sản có tranh chấp trên thửa đất số 19 là ngôi nhà cấp 4, diện tích 114, 49m² sửa lại năm 2017; 06 m² cửa sổ bên cạnh nhà kích thước; hiên tây; cầu thang 13 bậc; Lan can bằng inox; Gác xếp chia 02 khoang, trị giá đã trừ khấu hao, giá trị còn lại là 190.511.000 đồng (một trăm chín mươi triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30-10-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn và Quyết định sửa đổi, bổ sung Bản án số 04/2025/QĐ-SCBSBA ngày 12-12-2025; đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn đối với:

1.1. Diện tích 07m² thuộc một phần thửa đất 18 (vị trí đỉnh thửa: A20, A24, A25, A17, A18, A19), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

1.2. Diện tích 01m² thuộc một phần thửa đất 19 (vị trí đỉnh thửa: A2, A20, A19, A1), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

1.3. Diện tích đất 08m² thuộc một phần thửa đất số 24 (vị trí đỉnh thửa: A25, A26, A15, A16, A17), tổng diện tích 350,0m², đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

(Chi tiết các cạnh, tứ cận tiếp giáp được thể hiện trên Phụ lục kèm theo quyết định Bản án).

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với diện tích đất tranh chấp nói trên theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

2. Về tranh chấp thừa kế:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Việt H về việc: xác định 1/6 quyền sử dụng diện tích 511m² đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014 (tương đương diện tích 85,17m²) và 1/6 giá trị ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 19 là di sản thừa kế của cụ Hà Văn V.

2.2. Ông Hà Thanh Đ, chị Hà Thu T, anh Hà Việt T và anh Hà Minh L cùng được quyền quản lý sử dụng diện tích 511m² đất thuộc thửa số 19 (vị trí đỉnh thửa: A2, A3, A4, M3, A5, A6, A7, A23, A22, A21, A20), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014 và được quyền quản lý, sở hữu ngôi nhà cấp 4 bằng gỗ, diện tích 114,49m² trên thửa đất số 19.

2.3. Ông Hà Thanh Đ, chị Hà Thu T, anh Hà Việt T và anh Hà Minh L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho các thừa kế, thừa kế thế vị giá trị phần tài sản tương ứng mà họ được hưởng thừa kế, cụ thể như sau:

- Thanh toán cho ông Hà Thanh Đ, bà Hà Thị X, ông Hà Việt H, bà Hà Thị V, ông Hà Văn Q mỗi người 10.645.833 đồng (mười triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

- Thanh toán cho anh Hà Hải D, chị Hà Thị C mỗi người 5.322.916 đồng (năm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn chín trăm mười sáu đồng).

- Thanh toán cho bà Hoàng Thị N 2.365.740 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

- Thanh toán cho anh Hà Văn N, anh Hà Văn Q, chị Hà Thị T, mỗi người 2.760.030 đồng (hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm ba mươi đồng).

- Thanh toán cho bà Hoàng Thị M, anh Hà Hoàng S, mỗi người 5.322.916 đồng (năm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn chín trăm mười sáu đồng).

2.4. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Hà Thanh Đ đối với:

- 5/6 giá trị quyền sử dụng thửa đất số 19 và 5/6 giá trị ngôi nhà trên thửa đất số 19 (thông tin thửa 19 nêu tại mục 2.1 của Quyết định);

- Diện tích 118m² thuộc một phần thửa 18 (vị trí đỉnh thửa: A20, A21, A22, A23, A24, A25), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014;

- Diện tích 342m² thuộc một phần thửa 24 (vị trí đỉnh thửa: A25, A23, A7, A8, A26), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014;

- Diện tích 294m² thuộc một phần thửa 236 (vị trí đỉnh thửa: A8, A9, A10, A27, A26), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014;

- Diện tích đất 341m² thuộc một phần thửa 237 (vị trí đỉnh thửa: A10, A11, A12, A27), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

3. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

3.1. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hà Thanh Đ về việc được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 477m² thuộc một phần thửa số 19 (vị trí đỉnh thửa: A2, A3, A4, A5, A22, A21, A20), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014 và quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất 19 (thông tin thửa đất số 19 nêu tại mục 2.2 của Quyết định).

3.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hà Thanh Đ được quyền quản lý, sử dụng 110m² đất thuộc một phần thửa số 18 (vị trí đỉnh thửa: A20, A21, A22, A24), tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

3.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị M về việc được quyền quản lý, sử dụng diện tích 34m², thuộc một phần thửa số 19 (vị trí đỉnh thửa A5, A6, A7, A23, A22), đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

3.4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị M về việc được quyền quản lý, sử dụng diện tích 342m², thuộc một phần thửa số 24 (vị trí đỉnh thửa A7, A8, A26, A25, A23), đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

3.5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị M về việc được quyền quản lý, sử dụng diện tích 8,0m², thuộc một phần thửa số 18 (vị trí đỉnh thửa: A22, A23, A25, A24), đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 lập 2004, chỉnh lý 2014.

3.6. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị M được quyền quản lý, sử dụng diện tích 9,0m² thuộc một phần thửa số 236 (vị trí đỉnh thửa A8, A9, A15), đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 75 bản đồ địa chính xã G tỷ lệ 1/1000 chỉnh lý 2014.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn ông Hà Việt H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q và anh Hà Văn N kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 14-11-2025; đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30-10-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm do có một số vi phạm tố tụng như: Giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự; giải quyết không hết yêu cầu của đương sự; lời tuyên còn mâu thuẫn gây khó khăn cho việc thi hành án; vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ; tuyên nghĩa vụ chịu án phí chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hà Việt H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q, anh Hà Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có yêu cầu phản tố không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, kháng nghị về việc huỷ Bản án sơ thẩm vì:

Năm 1960 ông Hà Thanh Đ kết hôn, năm 1971 thì dựng nhà ra ở riêng, từ đó gia đình ông Hà Thanh Đ quản lý sử dụng thửa đất 18 và 19. Nguồn gốc 02 thửa đất nói trên không phải do bố mẹ ông Hà Thanh Đ tạo lập mà là do dòng họ Hà để lại. Năm 2001, con trai ông Hà Thanh Đ là anh Hà Việt T kê khai và đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 19, khi đó cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L còn sống; đến năm 2005 thì cấp đổi mang tên hộ ông Hà Thanh Đ. Mặc dù năm 2023, UBND huyện C đã ra Quyết định thu hồi GCNQSDĐ đối với thửa 19 cấp năm 2005 mang tên hộ ông Hà Thanh Đ nhưng GCNQSDĐ mang tên anh Hà Việt T cấp năm 2001 đối với thửa 19 vẫn còn giá trị. Mặt khác, ông Hà Thanh Đ đã quản lý sử dụng thửa đất 18, 19 từ năm 1971 đến nay, khi đó trên đất không có tài sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L; năm 2005 ông Hà Thanh Đ được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 18 theo thủ tục cấp lần đầu; cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L không đứng tên trên bất kỳ giấy tờ nào với tư cách chủ sử dụng đất đối với thửa 18 và 19. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 18 không phải là di sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L là phù hợp. Đối với thửa đất số 19: Thời điểm cấp GCNQSDĐ đối với thửa 19 cụ Hà Văn V đang sống cùng vợ chồng ông Hà Thanh Đ, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Hà Văn V là thành viên hộ gia đình và được hưởng một phần giá trị tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 19 là phù hợp.

Đối với bà Hoàng Thị M: Năm 1998, bà Hoàng Thị M chung sống với ông Hà Văn C; năm 2000 vợ chồng bà Hoàng Thị M dọn đất đá trên thửa đất số 24 rồi xây dựng nhà tạm trên đó, đến năm 2022 thì xây dựng nhà kiên cố như hiện nay; việc này mọi người trong gia đình đều biết. Năm 2009 ông Hà Văn C kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 24. Trên thửa đất 24 không có tài sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L và cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L không đứng tên trên bất kỳ giấy tờ nào với tư cách chủ sử dụng đất đối với các thửa 24. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 24 không phải là di sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L là phù hợp.

Thửa đất số 236 và 237 do gia đình ông Hà Văn Q và gia đình anh Hà Văn N quản lý sử dụng từ lâu; trên đất không có tài sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L; cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L không đứng tên trên bất kỳ giấy tờ nào với tư cách chủ sử dụng đất đối với thửa đất 237 và 237. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 236, 237 không phải là di sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L là phù hợp.

Đối với thủ tục hoà giải tại cơ sở về việc tranh chấp quyền sử dụng đất thấy rằng đây là phiên toà phúc thẩm lần 2, vụ án đã được qua nhiều lần hoà giải nhưng không đi đến thoả thuận thống nhất. Vì vậy, thủ tục hoà giải tại cơ sở là không cần thiết.

Một phần nội dung của kháng nghị đã được Toà án cấp sơ thẩm sửa chữa, đính chính theo Quyết định sửa chữa bổ sung Bản án.

Vì vậy, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm để đảm bảo cho việc Thi hành án.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung kháng nghị Huỷ Bản án sơ thẩm và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Việc xét xử vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nội dung kháng nghị: Toà án cấp sơ thẩm có một số sai sót sau:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28-6-2024, gia đình bà Hoàng Thị M đang quản lý, sử dụng 34m² đất thuộc thửa 19; trên đất có tài sản của gia đình bà Hoàng Thị M tạo lập và đang quản lý sử dụng. Quyết định của Bản án tuyên ông Hà Thanh Đ và chị Hà Thu T, anh Hà Việt T, anh Hà Minh L cùng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 511m² thửa 19 (trong đó bao gồm cả phần diện tích 34m² do bà Hoàng Thị M đang quản lý, sử dụng) và có quyền kê khai, làm thủ tục cấp GCNQSDĐ nhưng Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết đối với tài sản trên diện tích đất 34m² của bà Hoàng Thị M là không triệt để, gây khó khăn cho thi hành án. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý quan hệ pháp luật về chia tài sản chung nhưng lại tuyên chị Hà Thu T, anh Hà Việt T, anh Hà Minh L cùng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 511m² thửa 19 và cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho những người được hưởng thừa kế, người thừa kế thế vị là giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, tuyên ông Hà Thanh Đ được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 110m² thuộc thửa 18, bà Hoàng Thị M được quản lý, sử dụng đối với diện tích 342m² thuộc thửa 24 nhưng không giải quyết tài sản trên thửa 18, thửa 24 mà các bị đơn yêu cầu là thiếu sót, không giải quyết hết các yêu cầu của đương sự.

Tại mục 2.2 phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên ông Hà Thanh Đ, chị Hà Thu T, anh Hà Việt T và anh Hà Minh L cùng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 511m², thửa số 19. Tuy nhiên, tại mục 3.1 quyết định của bản án lại tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hà Thanh Đ về việc được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 477m² thuộc một phần thửa số 19. Như vậy, cùng một diện tích đất thuộc thửa số 19 nhưng Bản án sơ thẩm lại tuyên ông Hà Thanh Đ vừa được quyền quản lý, sử dụng cùng các thành viên của hộ gia đình vừa không được quản lý, sử dụng, như vậy là mâu thuẫn, gây khó khăn cho thi hành án.

Bản án tuyên ông Hà Thanh Đ, chị Hà Thu T, anh Hà Việt T, anh Hà Minh L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho các thừa kế, thừa kế thế vị giá trị phần tài sản tương ứng mà họ được hưởng thừa kế, trong đó phải thanh toán cho cả bản thân ông Hà Thanh Đ số tiền 10.645.833 đồng là mâu thuẫn, gây khó khăn cho thi hành án.

Phần [8.2] nhận định: Cụ Hà Văn V chết năm 2001, thời điểm đó giá trị ngôi nhà đã hết khấu hao nên không còn giá trị để chia, các thành viên còn lại trong hộ gia đình không có tranh chấp về giá trị ngôi nhà từ năm 2017 đến nay và không có yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, tại mục 2.1 phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Việt H về việc xác định 1/6 quyền sử dụng đất thừa số 19 và 1/6 giá trị ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất số 19 là di sản của cụ Hà Văn V để chia thừa kế theo pháp luật; Tại mục 2.4 phần quyết định không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với 5/6 giá trị ngôi nhà trên thửa đất số 19 là mâu thuẫn, vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ theo Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định ông Hà Văn Đ có 02 người con đẻ là Hà Hải D và Hà Thị C nhưng bản án lại nhận định ông Hà Văn Đ có 02 người con đẻ là Hà Hải Đ và Hà Thị C, được hưởng thừa kế thế vị của ông Hà Văn Đ; dẫn đến tại mục 2.3 phần quyết định của bản án chỉ buộc ông Hà Thanh Đ, chị Hà Thu T, anh Hà Việt T, anh Hà Minh L thanh toán cho chị Hà Thị C số tiền 5.322.916 đồng mà không tuyên thanh toán cho anh Hà Hải D là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự; đồng thời lại tuyên thanh toán cho anh Hà Hải Đ số tiền 5.322.916 đồng và tại mục 4 quyết định của bản án tuyên anh Hà Hải Đ phải chịu chi phí tố tụng là không chính xác.

Mặt khác, bản án không tuyên anh Hà Hải D được hưởng kỳ phần thừa kế thế vị nhưng tại mục 5.2 phần quyết định của bản án lại tuyên anh Hà Hải D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Ngoài ra, trong giai đoạn phúc thẩm, Viện kiểm sát còn thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng chưa qua thủ tục hoà giải tại cơ sở là không đảm bảo, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các bị đơn có yêu cầu phản tố về quyền quản lý tài sản trên đất, nhưng Tại mục 3 phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của các bị đơn nhưng không tuyên về tài sản trên đất là giải quyết không đầy đủ yêu cầu của đương sự.

Với những vi phạm nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30-10-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn giải quyết lại theo thẩm quyền. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Việt H, ông Hà Văn Q và anh Hà Văn N sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên toà vắng mặt bị đơn có yêu cầu phản tố là ông Hà Thanh Đ và bà Hoàng Thị M, vắng mặt 15/17 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập. Tuy nhiên, có người vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo uỷ quyền có mặt; có người có đơn, có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; có một số đương sự vắng không có lý do nhưng những người vắng mặt đều có lời khai tại cấp sơ thẩm. Mặt khác, các đương sự có mặt tại phiên toà không ai đề nghị hoãn phiên toà. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt một số đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17-3-2024, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 19 và thửa đất số 24 đồng thời nộp cho Tòa án 02 Quyết định thu hồi GCNQSDĐ đối với thửa đất số 19 và thửa đất số 24; 01 biên bản hòa giải tranh chấp về quyền thừa kế đất đai giữa ông Hà Việt H với hộ ông Hà Thanh Đ và hộ bà Hoàng Thị M, do UBND xã G lập ngày 22-01-2024. Ngày 24-4-2024 và ngày 18-6-2024, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia di sản thừa kế đối thửa đất gồm số 18, 236, 237 và căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 19. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về chia di sản thừa kế là đúng quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, ông Hà Thanh Đ và bà Hoàng Thị M có yêu cầu phản tố, cụ thể: Ông Hà Thanh Đ yêu cầu công nhận thửa đất 18, 19 và ngôi nhà trên thửa đất 19 là của gia đình ông và yêu cầu được quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất; bà Hoàng Thị M yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 24 và một phần diện tích các thửa 18, 19, 236 và yêu cầu sở hữu tài sản gắn liền với đất. Yêu cầu phản tố của ông Hà Thanh Đ và bà Hoàng Thị M đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 29-5-2025 và ngày 18-8-2025 và từ đó Tòa án cấp sơ thẩm bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[4] Về thủ tục tố tụng đối với việc thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, xét thấy:

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu phản tố thừa nhận: 05 thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đều có nguồn gốc của ông cha để lại, trong đó: Thửa đất số 19 đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 2001 cho hộ anh Hà Việt T (con trai của ông Hà Thanh Đ), đến năm 2009 cấp đổi sang tên hộ ông Hà Thanh Đ; thửa đất số 24 đã được cấp GCNQSDĐ năm 2009 mang tên hộ ông Hà Văn T (Chị) là chồng bà Hoàng Thị M; thửa đất số 18 đã được cấp GCNQSDĐ năm 2009 mang tên hộ ông Hà Thanh Đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa 18. Ngày 23-6-2023 UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 2825/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đối với thửa đất số 19 mang tên hộ ông Hà Thanh Đ với lý do cấp không đúng trình tự thủ tục, không đúng nguồn gốc sử dụng đất, không đúng diện tích; cùng ngày, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2826/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đối với thửa

đất số 24 mang tên hộ ông Hà Văn C với lý do cấp không đúng trình tự thủ tục, không đúng nguồn gốc đất.

[4.2] Hồ sơ vụ án có Biên bản hoà giải do UBND xã G lập ngày 22-01-2024 mà nguyên đơn gửi kèm theo đơn khởi kiện đề ngày 17-3-2024. Nội dung biên bản thể hiện việc hòa giải tranh chấp về quyền thừa kế đất đai giữa ông Hà Việt H với hộ ông Hà Thanh Đ và hộ bà Hoàng Thị M. Mặc dù Biên bản hòa giải không thể hiện rõ hòa giải đối với thửa đất nào, địa chỉ ở đâu nhưng tại mục 3 phần II của biên bản ghi lời trình bày của ông Lưu Bá Đ, là công chức địa chính xã “*Hiện tại gia đình không tự thỏa thuận được ra tòa sẽ liên quan đến các thửa đất khác, theo luật 02 thửa đất đầy đủ thu hồi, nếu cấp lại được thì phải có sự thỏa thuận phân chia các thành viên trong gia đình thì mới được cấp sổ đỏ*”. Mặt khác, theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17-3-2024 nói trên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 19 và thửa đất số 24 đồng thời nộp cho Tòa án 02 Quyết định thu hồi GCNQSDĐ đối với thửa đất số 19 và thửa đất số 24. Do đó, có cơ sở xác định 02 thửa đất được đề cập trong biên bản hòa giải ngày 22-01-2024 là thửa đất số 19 và thửa đất số 24; thành phần tham gia hòa giải không có mặt ông Hà Văn Q hoặc đại diện gia đình ông Hà Văn Q (là người đang quản lý sử dụng thửa đất 236).

[4.3] Khi nhận được đơn yêu cầu phản tố của ông Hà Thanh Đ và bà Hoàng Thị M về việc yêu cầu được quyền quản lý sử dụng diện tích đất thuộc thửa 18, 19, 24 và một phần diện tích thửa đất 236; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự thực hiện thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 235 Luật Đất đai năm 2024.

[4.4] Vì vậy, có cơ sở để xác định các đương sự chưa thực hiện việc hoà giải tranh chấp đất đai tại cơ sở. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa đảm bảo quy định, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[5] Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản đối với 05 thửa đất gồm các thửa 18, 19, 24, 236, 237. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định bị đơn là ông Hà Thanh Đ và bà Hoàng Thị M - là người đang quản lý sử dụng thửa đất 18, 19 và 24 mà không xác định người đang quản lý sử dụng thửa đất 236 và 237 là bị đơn trong vụ án chưa phù hợp.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q, bà Hoàng Thị N (mẹ của anh Hà Văn N) là các gia đình đang quản lý sử dụng thửa đất 236 và 237 đều thừa nhận: Thửa đất 236 và thửa đất 237 là di sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa 236, 237 mà gia đình Hà Văn Q, bà Hoàng Thị N đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, Tòa án chưa xem xét, giải quyết đối với yêu cầu này là chưa xem xét giải quyết hết yêu cầu của đương sự, vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự.

[7] Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất là của ông cha để lại; người đại diện hợp pháp của UBND xã B trình bày: Cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L tạo lập được nhiều thửa đất và 02 ngôi nhà; ngôi nhà thứ nhất nằm trên thửa 324 tờ bản đồ số 60 đo đạc năm 2004, ngôi nhà thứ hai nằm trên thửa đất 18, 19 hiện đang tranh chấp. Cụ Hà Văn V khi còn sống ở cùng với ông Hà Thanh Đ cho đến khi chết; nội dung này cũng được các đương sự có mặt tại phiên toà phúc thẩm thừa nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá chứng cứ một cách tổng thể, toàn diện, khách quan quá trình hình thành, quản lý sử dụng các thửa đất từ trước năm 1971 và từ năm 1971 đến nay để trên cơ sở đó xác định các thửa đất mà nguyên đơn khởi kiện có phải là di sản của cụ Hà Văn V và cụ Triệu Thị L không.

[8] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có sai không thụ lý quan hệ pháp luật về chia tài sản chung nhưng quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của ông Hà Thanh Đ gồm chị Hà Thu T, anh Hà Việt T, anh Hà Minh L cùng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 511m² thửa 19 và cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và người được hưởng thừa kế thế vị của cụ Hà Văn V, cụ Triệu Thị L là giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự. Bên cạnh đó, Bản án sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Hà Thanh Đ và Hoàng Thị M; tuyên bị đơn được quản lý, sử dụng đất nhưng không giải quyết tài sản gắn liền với đất là không giải quyết hết các yêu cầu của đương sự.

[9] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy ngoài những thiếu sót về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm còn có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử; Hội đồng xét xử thấy cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30-10-2025 của Tòa án nhân dân thành khu vực 4 - Lạng Sơn; chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quy định chung.

[10] Ý kiến, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng nên được chấp nhận.

[11] Do có căn cứ đề hủy Bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Hà Việt H, ông Hà Văn Q và anh Hà Văn N. Các vấn đề về thu thập đánh giá chứng cứ, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách đương sự, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và các nội dung khác liên quan đến việc giải quyết vụ án sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Hà Việt H, ông Hà Văn Q, anh Hà Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Hà Văn N số tiền 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/25E, số 0001226 ngày 10-12-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 30-10-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn thụ lý, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Hà Việt H, ông Hà Văn Q và anh Hà Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho anh Hà Văn N 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/25E số 0001226 ngày 10-12-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- THADS khu vực 4 Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Phòng GDKTTTr&THA;
- Lưu: H.Sơ, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thùy

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

Vi Đức Trí

Nguyễn Thị Minh Thùy